

(Mẫu số 02/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
PHÒNG NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18 /QĐ-NV

Biên Hòa, ngày 31 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021
của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa.

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 2078/TB-TCKH ngày 25/8/2022 của Phòng Tài chính – Kế hoạch về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 của Phòng Nội vụ TP. Biên Hòa;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Lãnh đạo, bộ phận tài chính và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - kế hoạch;
- Như điều 3;
- Lưu: VT; Kế toán.

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Minh Tấn

Đơn vị: PHÒNG NỘI VỤ TP.BIÊN HÒA

Chương: 635

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 18.../QĐ-NV ngày 31/8/2022 của Phòng Nội vụ TP.Biên Hòa)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	18.849.659.540	18.849.659.540		
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.849.659.540	18.849.659.540	0	0
1	Chi quản lý hành chính	9.016.049.540	9.016.049.540	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.964.574.928	1.964.574.928	0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	7.051.474.612	7.051.474.612		
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo	128.450.000	128.450.000		
1.2.2	Kinh phí cải cách hành chính	222.040.000	222.040.000		
1.2.3	Kinh phí kho lưu trữ thành phố	675.833.000	675.833.000		
1.2.4	Kinh phí khen thưởng	3.991.097.600	3.991.097.600		
1.2.5	Kinh phí bầu cử HĐND các cấp	1.857.465.037	1.857.465.037		
1.2.6	Kinh phí trợ cấp tết theo QĐ 104/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của UBND tỉnh	15.000.000	15.000.000		
1.2.7	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính		0		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
1.2.8	Kinh phí thi tuyển công chức cấp xã	161.588.975	161.588.975		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	267.670.000	267.670.000	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	267.670.000	267.670.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	9.565.940.000	9.565.940.000		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.565.940.000	9.565.940.000		
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				x
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Số:2078/TB-HCSN

Biên Hòa, ngày 25 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021

Đơn vị được xét duyệt: **PHÒNG NỘI VỤ**

THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Mã chương: 635

Căn cứ Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa Phòng Tài chính – Kế hoạch và Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 (không bao gồm quyết toán vốn XDCB, các công trình vốn sự nghiệp, quản lý hành chính mang tính chất XDCB,... sẽ có biên bản riêng) của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa như sau:

I/ Phần số liệu.

1. Phạm vi xét duyệt:

Quyết toán ngân sách năm 2021 (không bao gồm quyết toán vốn XDCB, các công trình vốn sự nghiệp, quản lý hành chính mang tính chất XDCB... sẽ có biên bản quyết toán riêng).

2. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 11.571.535 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 42.578.833.841 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm theo Quyết định: 15.270.500.000 đồng;
 - + Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm: 27.308.333.841 đồng (trong đó: dự toán bổ sung QLNN là 2.714.000.000 đồng, dự toán bổ sung kinh phí đào

tạo: 30.000.000 đồng, kinh phí phòng, chống dịch Covid-19: 25.652.340.000 đồng, dự toán điều chỉnh giảm theo Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 08/6/2021: - 1.019.501.759 đồng, giảm 01 biên chế: -68.504.400 đồng).

- Kinh phí thực nhận trong năm: 42.590.405.376 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 42.590.405.376 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 7.650.282.856 đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 16.090.462.980 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận:..... đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 16.090.462.980 đồng.

(Số liệu chi tiết theo 1c đính kèm)

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Do giới hạn về nguồn nhân lực và thời gian xét duyệt quyết toán, Phòng Tài chính – Kế hoạch căn cứ báo cáo quyết toán, hồ sơ, sổ kế toán, chứng từ do Phòng Nội vụ cung cấp (Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính xác thực của hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán và tài liệu cung cấp cho Phòng Tài chính – Kế hoạch), không chứng kiến việc kiểm kê vật tư hàng hóa, tài sản, quỹ tiền mặt tại thời điểm 31/12/2021.

Trên cơ sở báo cáo, tài liệu của Phòng Nội vụ thành phố cung cấp và tự chịu trách nhiệm, Phòng Tài chính- Kế hoạch thuyết minh số liệu như sau:

4.1. Về số thu:

Đơn vị không có báo cáo các nguồn thu.

a. Về số chi:

Đơn vị thực hiện chi ngân sách theo dự toán được giao, khớp đúng với số liệu thực chi với Kho bạc nhà nước Đồng Nai

- Phòng tài chính- Kế hoạch kiểm tra chứng từ sau:

+ Theo phiếu chi 6324 ngày 28/11/2021 số tiền: 890.000 đồng, nội dung: chi phí xét nghiệm Covid-19, thanh toán cho ông Nguyễn Quốc Phuong, thiếu văn bản của thủ trưởng đơn vị yêu cầu có mặt để thực hiện nhiệm vụ (theo quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ).

+ Thanh toán kinh phí mở lớp tập huấn nghiệp vụ tài chính ngân sách (Kế hoạch số 18360/KH-UBND ngày 27/9/2021 của UBND thành phố Biên Hòa, Hợp đồng số 1239/HĐBD/PHHCM-PNVBH ngày 26/10/2021, hóa đơn số 5604 ngày 29/11/2021) số tiền là 69.000.000 đồng: Hồ sơ đầy đủ, phù hợp với quy định.

+ Thanh toán kinh phí Biên soạn, ôn tập, ra đề và chấm thi phục vụ kỳ tuyển công chức tại thành phố Biên Hòa (Văn bản số 8031/UBND-KTNS ngày 18/6/2021 của UBND thành phố về phê duyệt dự toán kinh phí tuyển dụng công chức cấp xã năm 2020, Hợp đồng số 50/HĐ-PVHCM ngày 21/6/2021, hóa đơn

số 3326 ngày 09/11/2021, giấy rút dự toán số 193 ngày 06/12/2021) số tiền là 75.050.000 đồng: Hồ sơ đầy đủ, phù hợp với quy định, tuy nhiên Quyết định số 14/QĐ-NV ngày 18/6/2021 và Quyết định số 16/QĐ-NV ngày 18/6/2021 của Phòng Nội vụ thiếu dấu của đơn vị.

Ngoài ra, trên cơ sở chọn mẫu chứng từ chi hỗ trợ cho lực lượng phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021, Theo Văn bản số 13661/UBND-KTNS ngày 07/9/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về chấp thuận chủ trương hỗ trợ kinh phí cho lực lượng tham gia phòng, chống dịch, cụ thể như sau:

Đoàn cán bộ y tế tỉnh Thanh Hóa số tiền: 690.000.000 đồng.

Đoàn Cán bộ tỉnh Yên Bái số tiền: 320.400.000 đồng.

Đoàn Trường Đại học Y- Dược Đại học Thái Nguyên số tiền: 351.600.000 đồng.

Đoàn Trường Đại học Y- Dược Đại học Huế số tiền: 1.417.500.000 đồng.

Chi hỗ trợ cho các lực lượng tham gia phòng, chống dịch Covid-19: Qua chọn mẫu, đơn vị thực hiện chi theo đúng định mức quy định, đảm bảo đầy đủ các chủ trương, chứng từ chi theo quy định. Tuy nhiên, theo các phiếu chi tiền mặt cho các đoàn có ký nhận của đại diện Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa (*có kèm giấy giới thiệu*) và đại diện của đoàn có lực lượng tham gia (*không kèm giấy giới thiệu*), cần bổ sung theo giấy giới thiệu của cá nhân đại diện cho các đoàn có lực lượng tham gia đến lãnh tiền mặt tại Phòng Nội vụ.

- Đối với chứng từ Phòng Tài chính – Kế hoạch chưa kiểm tra quyết toán, Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính xác thực của hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán kèm theo.

4.2. Số kinh phí tồn:

- Kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 16.090.462.980 đồng. Trong đó:

+ Kinh phí Quản lý nhà nước: 4.062.980 đồng.

+ Kinh phí phòng, chống-Covid-19: 16.086.400.000 đồng.

- Kinh phí hủy dự toán: 7.650.282.856 đồng, trong đó:

+ Kinh phí đào tạo: 1.832.330.000đồng.

+ Kinh phí Quản lý nhà nước: 5.798.160.390 đồng

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:..... đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính:..... đồng

- Trích lập các Quỹ:..... đồng

- Kinh phí cải cách tiền lương:... đồng

IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đảm bảo thời gian theo lịch thông báo.

- Về công khai tài chính: thực hiện công khai dự toán theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: đơn vị nộp báo cáo quyết toán năm 2021 đầy đủ theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017. Tuy nhiên, bổ sung số liệu hủy dự toán trong Báo cáo thuyết minh quyết toán.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: Đơn vị hạch toán đúng mục lục ngân sách, có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo quy chế.

- Đơn vị thực hiện chi ngân sách theo dự toán được giao, khớp đúng với số liệu thực chi với Kho bạc Nhà nước.

- Về sổ sách kế toán: mở sổ kế toán theo Thông tư 107/TT-BTC.

2. Kiến nghị:

2.1. Kiến nghị của đơn vị xét duyệt:

- Đề nghị đơn vị thực hiện nghiêm theo Luật ngân sách.

- Đề nghị đơn vị bổ sung chứng từ thanh toán theo nhận xét của Phòng Tài chính – Kế hoạch.

- Đề nghị đơn vị phản ánh tất cả các khoản thu, chi vào báo cáo tài chính của đơn vị.

2.2. Kiến nghị của đơn vị được xét duyệt:

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT, HCSN.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Hà Thị Dung